

**BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT ĐỨC
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ VÀ THIẾT BỊ VIỆT ĐỨC**

**ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG
GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

Ngành, nghề : Điều dưỡng

Trình độ đào tạo : Cao đẳng

Quy mô tuyển sinh : 500 sinh viên/năm

Giấy chứng nhận Đăng ký HGDNN: Số 35/2022/GCNĐKHĐ-TCGDNN,
ngày 24/5/2022 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2022

ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

**Nghề: Điều dưỡng (Mã ĐT: 6720301); trình độ đào tạo: Cao đẳng;
quy mô tuyển sinh/năm: 500.**

1. Điều kiện đảm bảo về cơ sở vật chất:

a) Tổng quan về cơ sở vật chất chung của cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

- Tại trụ sở chính: Số 1 ngõ 89, Lương Định Của, Đống Đa, Hà Nội

TT	NỘI DUNG	Số lượng	Tổng diện tích (m ²)	Ghi chú
I	Phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ	20	300	
II	Các công trình xây dựng phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ cán bộ quản lý, nhà giáo và học sinh – sinh viên	24	1.418,245	
1	Phòng Hội trường	1	177,045	
2	Phòng Thư viện	1	50	
3	Ký túc xá	15	702	
4	Sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ....	1	242	
5	Nhà đa năng	3	180	
6	Nhà để xe	2	58.2	
7	Phòng y tế	1	9	
III	Phòng học, phòng thí nghiệm; Nhà xưởng thực hành, thực tập; Cơ sở sản xuất thử nghiệm	35	1.942,96	
1	Phòng học lý thuyết	12	706	
2	Phòng, xưởng thực hành	23	1.236,96	
TỔNG		79	3.661,205	

- Tại địa điểm đào tạo: 40 Tràng Thi, Hàng Bông, Hoàn Kiếm, Hà Nội

TT	NỘI DUNG	Số lượng	Tổng diện tích (m ²)	Ghi chú
I	Phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ	32	1.593,6	
II	Các công trình xây dựng phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ cán bộ quản lý, nhà giáo và học sinh – sinh viên	312	21721,29	
1	Phòng Hội trường	3	1157	
2	Phòng Thư viện	5	400	
3	Ký túc xá	295	11800	
4	Sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ....	3	5.000	
5	Nhà đa năng	1	500	
6	Nhà để xe	3	2304,29	
7	Nhà ăn (bếp ăn)	1	500	
8	Phòng y tế	1	60	
III	Phòng học, phòng thí nghiệm; Nhà xưởng thực hành, thực tập; Cơ sở sản xuất thử nghiệm	46	4857	
1	Phòng học lý thuyết	25	2607	
2	Phòng, xưởng thực hành	21	2250	
TỔNG		390	28.171,89	

b) Cơ sở vật chất cho ngành, nghề Điều dưỡng:

- Số phòng học lý thuyết chuyên môn: 15 phòng với tổng diện tích là 1907 m².
- Số phòng/xưởng thực hành, thực tập: 11 phòng với diện tích sử dụng 712,2 m² đảm bảo đủ diện tích cho sinh viên học thực hành đủ số số tiết học theo quy định.

Stt	Phòng học	Diện tích sử dụng m ²	Vị trí
1	Phòng thực hành ngoại ngữ	40	A202- Số 1, ngõ 89, đường Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành Phố Hà Nội

2	Phòng thực hành máy vi tính	67,2	A301- Số 1, ngõ 89, đường Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành Phố Hà Nội
3	Phòng thực hành máy vi tính	45	A302- Số 1, ngõ 89, đường Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành Phố Hà Nội
4	Phòng thực hành kỹ thuật điều dưỡng	70	Tầng 1 nhà B1- Số 40, phố Tràng Thi, phường Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
5	Phòng thực hành cấp cứu và chăm sóc tích cực	80	Phòng 101, Tầng 1 nhà C1- Số 40, phố Tràng Thi, phường Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
6	Phòng thực hành chăm sóc người bệnh tại buồng bệnh	70	Tầng 4 nhà D- Số 40, phố Tràng Thi, phường Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
7	Phòng thực hành sản nhi và kế hoạch hóa gia đình	60	Tầng 5 nhà D- Số 40, phố Tràng Thi, phường Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
8	Phòng thực hành y học cổ truyền - phục hồi chức năng – dược	70	Phòng 119 tầng 1 nhà B1- Số 40, phố Tràng Thi, phường Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
9	Phòng thực hành giải phẫu	70	Tầng 1 nhà B1- Số 40, phố Tràng Thi, phường Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
10	Phòng thực hành sinh lý, hóa sinh, vi sinh – ký sinh trùng	70	Phòng 211 nhà D- Số 40, phố Tràng Thi, phường Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

11	Phòng thực hành sức khỏe cộng đồng	70	Tầng 1 nhà B1- Số 40, phố Tràng Thi, phường Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
----	------------------------------------	----	---

2. Các điều kiện đảm bảo về thiết bị, dụng cụ đào tạo.

Trang thiết bị của trường phục vụ mở mã ngành mới được Đơn vị chủ quản là Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức đầu tư mua sắm và sử dụng trang thiết bị của Bệnh viện, cải tạo nhà xưởng thực hành để phục vụ cho công tác đào tạo sinh viên chính quy 04 mã ngành: Điều dưỡng, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật xét nghiệm y tế và Kỹ thuật Phục hồi chức năng.

+ + **Phòng học kỹ thuật cơ sở:** 15 phòng có diện tích 1907 m² và mỗi phòng trang bị gồm:

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	01
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
3	Màn chiếu	Bộ	01
4	Bảng viết	Cái	01
5	Bút viết các màu	Cái	04

+ **Phòng thực hành ngoại ngữ:** A202

TT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
1	Bàn điều khiển	Chiếc	01
2	Khối điều khiển trung tâm	Chiếc	01
3	Phần mềm điều khiển (LAB)	Bộ	01
4	Khối điều khiển thiết bị ngoại vi	Bộ	01
5	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
6	Máy vi tính	Bộ	40
7	Tai nghe	Bộ	40
8	Máy scanner	Chiếc	01
9	Thiết bị lưu trữ dữ liệu	Chiếc	01

+ Phòng thực hành máy vi tính: A301

TT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	19
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
3	Bộ phần mềm văn phòng Microsoft Office	Bộ	01
4	Bộ phần mềm phonng chữ tiếng Việt	Bộ	01
5	Phần mềm diệt virus	Bộ	01
6	Máy Scanner	Chiếc	01
7	Thiết bị lưu trữ dữ liệu	Chiếc	01
8	Máy in	Chiếc	01

+ Phòng thực hành máy vi tính: A302

TT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	19
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
3	Bộ phần mềm văn phòng Microsoft Office	Bộ	01
4	Bộ phần mềm phonng chữ tiếng Việt	Bộ	01
5	Phần mềm diệt virus	Bộ	01
6	Máy Scanner	Chiếc	01
7	Thiết bị lưu trữ dữ liệu	Chiếc	01
8	Máy in	Chiếc	01

+ Phòng thực hành kỹ thuật điều dưỡng: Tầng 1 nhà B1

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1.	Máy vi tính	Bộ	01
2.	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
3.	Màn chiếu	Cái	01
4.	Bảng viết	Cái	01
5.	Bảng lật	Cái	01
6.	Giường người bệnh	Chiếc	02
7.	Chăn	Chiếc	05
8.	Đệm	Chiếc	02
9.	Đệm hơi, nước	Chiếc	01
10.	Ga trải giường	Chiếc	10
11.	Gối	Chiếc	01
12.	Săng trải giường	Chiếc	01

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
13.	Tấm lót	Chiếc	05
14.	Tủ đầu giường	Chiếc	02
15.	Cáng	Chiếc	01
16.	Xe cáng người bệnh	Chiếc	01
17.	Xe đẩy dùng cho người bệnh	Chiếc	01
18.	Xe đẩy dụng cụ, thuốc	Chiếc	01
19.	Nhiệt kế thủy ngân	Bộ	05
20.	Nhiệt kế điện tử	Chiếc	03
21.	Huyết áp + ống nghe	Bộ	03
22.	Huyết áp kế điện tử	Chiếc	03
23.	Huyết áp kế đồng hồ + ống nghe	Bộ	03
24.	Máy cạo râu	Chiếc	03
25.	Máy hút dịch 2 bình	Chiếc	03
26.	Máy khí rung	Chiếc	03
27.	Máy sấy tóc	Chiếc	03
28.	Bàn chải	Chiếc	03
29.	Bàn chải mềm	Chiếc	03
30.	Băng buộc	Chiếc	05
31.	Băng chun	Cuộn	03
32.	Băng cuộn	Cuộn	10
33.	Băng Esmarch	Cuộn	03
34.	Bảng phooc	Chiếc	01
35.	Bảng tam giác	Chiếc	03
36.	Bát và 2 thìa	Bộ	03
37.	Bình làm ấm	Chiếc	03
38.	Máy monitoring theo dõi dấu hiệu sinh tồn	Chiếc	05
39.	Đèn đọc phim XQ thường	Chiếc	01
40.	Tủ lạnh	Cái	01
41.	Dây hút đờm	Cái	10
42.	Tủ chứa đồ	Chiếc	03
43.	Găng tay y tế	Đôi	100
44.	Cân, thước đo chiều cao người lớn	Chiếc	01
45.	Bình oxy	Chiếc	03
46.	Bình phong	Chiếc	03
47.	Bô	Chiếc	03
48.	Bô dẹt	Chiếc	03
49.	Bô vệt	Chiếc	03
50.	Bộ dây đo áp lực tĩnh mạch trung tâm	Bộ	03
51.	Bộ nẹp gỗ sơ cứu (10 thanh)	Bộ	03
52.	Bộ thử test đầu giường	Bộ	03
53.	Bọc thụt	Chiếc	03
54.	Bơm tiêm	Bộ	50
	Mỗi bộ bao gồm		
	Loại 1 ml	Chiếc	06

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
	Loại 5 ml	Chiếc	06
	Loại 20 ml	Chiếc	06
	Loại 50 ml	Chiếc	06
55.	Bồn đựng nước vô khuẩn, vòi có van gạt	Chiếc	03
56.	Bóng ambu	Chiếc	03
57.	Ca	Chiếc	03
58.	Cốc chia vạch	Chiếc	03
59.	Cốc đựng bông tẩm dầu Parafin	Chiếc	10
60.	Cốc đựng thức ăn	Chiếc	03
61.	Cốc đựng thuốc	Chiếc	03
62.	Cốc	Chiếc	03
63.	Bình đựng nước nguội	Chiếc	03
64.	Phích đựng nước nóng	Chiếc	03
65.	Canuyn và khóa van	Bộ	03
66.	Chậu	Chiếc	03
67.	Chậu inox	Chiếc	03
68.	Cọc truyền inox 2 tai treo	Chiếc	05
69.	Dao mổ + cán dao	Chiếc	03
70.	Dây cao su mềm	Chiếc	03
71.	Dây dẫn đo áp lực dịch não tủy	Chiếc	03
72.	Dây dẫn lưu màng phổi	Chiếc	05
73.	Dây dẫn lưu màng tim	Chiếc	03
74.	Dây dẫn lưu ổ bụng	Chiếc	03
75.	Dây garo và gôi nhỏ	Bộ	03
76.	Dây thở oxy 2 nhánh	Chiếc	10
77.	Dây truyền	Chiếc	20
78.	Đè lưới	Chiếc	03
79.	Đèn cồn	Chiếc	03
80.	Đèn soi thanh quản	Chiếc	03
81.	Hộp inox chữ nhật	Chiếc	03
82.	Hộp đựng bông gạc	Chiếc	03
83.	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn	Chiếc	03
84.	Hộp đựng dung dịch khử khuẩn	Chiếc	03
85.	Hộp đựng khăn vô khuẩn	Chiếc	03
86.	Hộp thuốc cấp cứu phản vệ	Bộ	03
87.	Hộp tròn inox	Chiếc	03
88.	Hộp inox đựng bông cầu	Chiếc	03
89.	Hộp tròn đựng bông cồn	Chiếc	03
90.	Kéo	Bộ	05
	Mỗi bộ bao gồm		
	Kéo cong	Chiếc	01
	Kéo thẳng	Chiếc	01
	Kéo cắt chỉ	Chiếc	01
	Kéo đầu tù	Chiếc	01

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
91.	Kẹp phẫu tích	Chiếc	03
92.	Kẹp phẫu tích có máu	Chiếc	03
93.	Khăn tắm	Chiếc	03
94.	Khăn rửa mặt	Chiếc	03
95.	Máng gội đầu	Chiếc	03
96.	Khay chữ nhật	Chiếc	03
97.	Khay hạt đậu	Chiếc	03
98.	Kim chọc dò	Chiếc	03
99.	Kim chọc dò Terumo	Chiếc	03
100.	Kim chọc dò tùy sống	Chiếc	03
101.	Kim khâu da	Chiếc	03
102.	Kim khâu da + chỉ line	Chiếc	03
103.	Kim mang kim	Chiếc	03
104.	Kim mở miệng	Chiếc	03
105.	Lọ đựng phân	Chiếc	03
106.	Lược	Chiếc	03
107.	Mask thở oxy	Chiếc	05
108.	Mô hình đa năng	Bộ	10
109.	Mô hình đặt ống thông dạ dày	Chiếc	04
110.	Mô hình hồi sinh tim phổi	Bộ	05
111.	Mô hình thông tiểu nam	Chiếc	03
112.	Mô hình thông tiểu nữ	Chiếc	03
113.	Mô hình thụt tháo	Bộ	01
114.	Mô hình tiêm bắp, tĩnh mạch cánh tay	Bộ	03
115.	Mô hình tiêm mông	Bộ	01
116.	Tượng các huyết	Chiếc	01
117.	Ống đong có chia vạch	Chiếc	03
118.	Ống faucher	Chiếc	03
119.	Ống nghe tim phổi	Chiếc	03
120.	Ống nghiệm	Bộ	01
	Mỗi bộ gồm		
	Loại 20ml	Chiếc	03
	Giá đỡ ống nghiệm	Chiếc	01
	Giá kẹp ống nghiệm	Chiếc	01
121.	Ống nội khí quản	Chiếc	10
122.	Ống sonde Clini	Chiếc	03
123.	Ống sonde Levin	Chiếc	03
124.	Ống sonde Nelaton các cỡ (số 6, 8, 10, 12)	Chiếc	03
125.	Bộ panh	Bộ	03
	Mỗi bộ bao gồm		
	Loại cong có máu	Chiếc	01
	Loại cong không máu	Chiếc	01
	Loại thẳng có máu	Chiếc	01

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
	Loại băng không máu	Chiếc	01
126.	Panh Farabeuf	Chiếc	03
127.	Quả bóp cao su và sonde Nelaton	Bộ	03
128.	Que bệt	Chiếc	03
129.	Săng 50 x 50 cm	Chiếc	03
130.	Săng có lỗ	Chiếc	03
131.	Săng mổ	Chiếc	03
132.	Sonde Catheter	Chiếc	10
133.	Tạp dề	Chiếc	03
134.	Thìa gạt	Chiếc	03
135.	Trụ cầm panh inox	Chiếc	03
136.	Túi chườm	Chiếc	03
137.	Túi đựng dụng cụ cấp cứu	Túi	03
138.	Vô đập đá	Chiếc	03
139.	Xô	Chiếc	03
140.	Thùng rác y tế	Chiếc	02
141.	Bộ tranh vẽ: tim mạch, hô hấp, tiêu hoá, tiết niệu, cơ quan tạo máu, xử trí ngộ độc cấp, say nắng, say nóng, ngạt nước, rấn cắn,...	Bộ	01
142.	Bộ tranh quy trình kỹ thuật điều dưỡng	Bộ	01
143.	Bộ tranh các quy trình cấp cứu	Bộ	01
144.	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	03

+ Phòng thực hành cấp cứu và chăm sóc tích cực: Phòng 101, Tầng 1 nhà C1

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	01
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
3	Giường người bệnh	Chiếc	01
4	Chăn	Chiếc	01
5	Đệm	Chiếc	01
6	Đệm hơi, nước	Chiếc	01
7	Ga trải giường	Chiếc	01
8	Gối	Chiếc	01
9	Săng trải giường	Chiếc	01
10	Tấm lót	Chiếc	01
11	Tủ đầu giường	Chiếc	01
12	Huyết áp kế đồng hồ + ống nghe	Bộ	01
13	Huyết áp kế cột thủy ngân + ống nghe	Bộ	01
14	Huyết áp kế điện tử	Chiếc	01
15	Máy truyền dịch	Bộ	01
16	Máy điện tim	Bộ	01
17	Máy monitoring theo dõi dấu hiệu sinh tồn	Bộ	01
18	Máy thở	Bộ	01

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
19	Máy phá rung	Bộ	01
20	Phê dung kế	Bộ	01
21	Máy nhỏ giọt thức ăn vào dạ dày	Chiếc	01
22	Máy tiêm tĩnh mạch	Chiếc	01
23	Xe đẩy dùng cho người bệnh	Chiếc	01
24	Đèn đọc phim	Chiếc	01
25	Hệ thống khử khuẩn	Bộ	01
26	Bàn mổ tổng hợp	Chiếc	01
27	Bộ dụng cụ đặt nội khí quản khó có màn hình Camera	Bộ	01
28	Bộ đèn nội khí quản khó 3 lưới	Bộ	01
29	Máy hút dịch 2 bình	Chiếc	01
30	Bàn chải mềm	Chiếc	01
31	Băng chun	Cuộn	01
32	Băng cuộn	Cuộn	01
33	Băng Esmarch	Cuộn	01
34	Bình làm ấm	Chiếc	01
35	Bình oxy	Chiếc	01
36	Bô	Chiếc	01
37	Bộ dây đo áp lực tĩnh mạch trung tâm	Bộ	01
38	Bô dẹt	Chiếc	01
39	Bô vệt	Chiếc	01
40	Bộ thử test đầu giường	Bộ	01
41	Bơm tiêm	Bộ	03
	Mỗi bộ bao gồm		
	Loại 20 ml	Chiếc	01
	Loại 50 ml	Chiếc	01
42	Bồn đựng nước vô khuẩn, vòi có van gạt	Chiếc	01
43	Bóng ambu	Chiếc	03
44	Chậu	Chiếc	01
45	Cốc	Chiếc	01
46	Cốc đựng thuốc	Chiếc	01
47	Phích đựng nước nóng	Chiếc	01
48	Túi chườm	Chiếc	01
49	Vò đập đá	Chiếc	01
50	Cốc chia vạch	Chiếc	01
51	Cọc truyền inox 2 tai treo	Chiếc	01
52	Dao mổ + cán dao	Chiếc	01
53	Dây garo và gôi nhỏ	Bộ	01
54	Dây truyền	Chiếc	01
55	Đè lưới	Chiếc	01
56	Đèn soi thanh quản	Chiếc	01
57	Hộp inox chữ nhật	Chiếc	01
58	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn	Chiếc	01
59	Hộp đựng dung dịch khử khuẩn	Chiếc	01

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
60	Hộp đựng khăn vô khuẩn	Chiếc	01
61	Hộp thuốc cấp cứu phản vệ	Bộ	01
62	Hộp tròn inox	Chiếc	01
63	Hộp tròn đựng bông cotton	Chiếc	01
64	Kéo	Bộ	03
	Mỗi bộ bao gồm		
	Kéo cong	Chiếc	01
	Kéo thẳng	Chiếc	01
	Kéo cắt chỉ	Chiếc	01
	Kéo đầu tù	Chiếc	01
65	Kẹp phẫu tích	Chiếc	01
66	Kẹp phẫu tích có máu	Chiếc	01
67	Khăn tắm	Chiếc	01
68	Khay chữ nhật	Chiếc	01
69	Khay hạt đậu	Chiếc	01
70	Kim khâu da	Chiếc	01
71	Kim khâu da + chỉ line	Chiếc	01
72	Kim mang kim	Chiếc	01
73	Kim mở miệng	Chiếc	01
74	Mask thở oxy	Chiếc	01
75	Mô hình đa năng	Bộ	01
76	Ống faucher	Chiếc	01
77	Ống nghiệm	Bộ	01
	Mỗi bộ gồm		
	Loại 20ml	Chiếc	03
	Giá đỡ ống nghiệm	Chiếc	01
	Giá kẹp ống nghiệm	Chiếc	01
78	Ống nội khí quản	Chiếc	01
79	Ống sonde Nelaton các cỡ (số 6, 8, 10, 12)	Chiếc	01
80	Bộ panh	Bộ	01
	Mỗi bộ bao gồm		
	Loại cong có máu	Chiếc	01
	Loại cong không máu	Chiếc	01
	Loại thẳng có máu	Chiếc	01
	Loại thẳng không máu	Chiếc	01
81	Trụ cắm panh inox	Chiếc	01
82	Săng 50 x 50 cm	Chiếc	01
83	Săng có lỗ	Chiếc	01
84	Săng mổ	Chiếc	01
85	Sonde Catheter	Chiếc	01
86	Ống sonde Levin	Chiếc	01
87	Tạp dề	Chiếc	01
88	Thìa gạt	Chiếc	01
89	Xô	Chiếc	01

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
90	Phim chụp XQ/MRI, CT-scanner điển hình như: Thùng dạ dày, gãy xương,...	Bộ	01
91	Bộ tranh quy trình cấp cứu	Bộ	01

+ Phòng thực hành chăm sóc người bệnh tại buồng bệnh: Tầng 4 nhà D

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	01
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
3	Màn chiếu	Cái	01
4	Giường người bệnh	Chiếc	01
5	Chăn	Chiếc	01
6	Đệm	Chiếc	01
7	Đệm hơi, nước	Chiếc	01
8	Ga trải giường	Chiếc	01
9	Gối	Chiếc	01
10	Săng trải giường	Chiếc	01
11	Tấm lót	Chiếc	01
12	Tủ đầu giường	Chiếc	01
13	Xe đẩy dụng cụ, thuốc	Chiếc	01
14	Đèn Clar	Chiếc	01
15	Loa soi tai	Chiếc	01
16	Đèn soi đáy mắt	Chiếc	01
17	Bàn khám và điều trị tai mũi họng đa năng	Chiếc	01
18	Bộ khám nội soi tai mũi họng	Bộ	01
19	Đèn đọc phim cộng hưởng từ 2 cửa	Chiếc	01
20	Máy đo nồng độ bão hòa Oxy trong máu SpO2 cầm tay	Chiếc	01
21	Máy kiểm soát nhiệt độ người bệnh	Chiếc	01
22	Máy theo dõi người bệnh 5 thông số	Chiếc	01
23	Máy cạo râu	Chiếc	01
24	Máy hút dịch 2 bình	Chiếc	01
25	Máy khí rung	Chiếc	01
26	Máy sấy tóc	Chiếc	01
27	Bàn chải	chiếc	01
28	Băng chun	Cuộn	01
29	Băng cuộn	Cuộn	01
30	Bảng đo thị lực	Chiếc	01
31	Băng Esmarch	Cuộn	01
32	Bát và 2 thìa	Bộ	01
33	Bình phong	Chiếc	01
34	Bô	Chiếc	01
35	Bô dẹt	Chiếc	01
36	Bô vệt	Chiếc	01
37	Bóc thụt	Chiếc	01

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
38	Bộ thử test đầu giường	Bộ	01
39	Bơm tiêm	Bộ	19
	Mỗi bộ bao gồm		
	Loại 20 ml	Chiếc	01
	Loại 50 ml	Chiếc	01
40	Ca	Chiếc	01
41	Bình đựng nước nguội	Chiếc	01
42	Canuyn và khóa van	Chiếc	01
43	Chậu	Chiếc	01
44	Chậu inox	Chiếc	01
45	Cốc đựng bông tẩm dầu Parafin	Chiếc	01
46	Cốc	Chiếc	01
47	Cốc đựng thức ăn	Chiếc	01
48	Cọc truyền inox 2 tai treo	Chiếc	01
49	Dây cao su mềm	Chiếc	01
50	Dây garo và gối nhỏ	Bộ	03
51	Dây truyền	Chiếc	01
52	Đè lưới	Chiếc	03
53	Dụng cụ đo nhãn áp	Chiếc	01
54	Hộp đựng bông gạc	Chiếc	01
55	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn	Chiếc	01
56	Hộp thuốc cấp cứu phản vệ	Bộ	01
57	Hộp inox đựng bông cầu	Chiếc	01
58	Hộp tròn đựng bông cùn	Chiếc	01
59	Hộp tròn inox	Chiếc	01
60	Kéo	Bộ	03
	Mỗi bộ bao gồm		
	Kéo cong	Chiếc	01
	Kéo thẳng	Chiếc	01
	Kéo cắt chỉ	Chiếc	01
	Kéo đầu tù	Chiếc	01
61	Kẹp gấp	Chiếc	01
62	Kẹp phẫu tích	Chiếc	01
63	Kẹp phẫu tích có máu	Chiếc	01
64	Khăn rửa mặt	Chiếc	01
65	Giương + cán giương	Chiếc	01
66	Lược	Chiếc	01
67	Máng gội đầu	Chiếc	01
68	Khay chữ nhật	Chiếc	01
69	Khay hạt đậu	Chiếc	01
70	Kim mở miệng	Chiếc	01
71	Ống nghe tim phổi	Chiếc	05
72	Ống sonde Clini	Chiếc	01
73	Ống sonde Levin	Chiếc	01

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
74	Bộ panh	Bộ	01
	Mỗi bộ bao gồm		
	Loại cong có máu	Chiếc	01
	Loại cong không máu	Chiếc	01
	Loại thẳng có máu	Chiếc	01
75	Loại thẳng không máu	Chiếc	01
75	Panh mở mũi	Chiếc	01
76	Trụ cắm panh inox	Chiếc	01
77	Quả bóp cao su và sonde Nelaton	Bộ	01
78	Que bệt	Chiếc	01
79	Săng 50 x 50 cm	Chiếc	01
80	Săng có lỗ	Chiếc	01
81	Săng mô	Chiếc	01
82	Thám châm	Chiếc	01
83	Xô	Chiếc	01

+ Phòng thực hành sản, nhi, kế hoạch hóa gia đình: Tầng 5 nhà D

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1.	Máy vi tính	Bộ	01
2.	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
3.	Giường người bệnh	Chiếc	01
4.	Chăn	Chiếc	01
5.	Ga trải giường	Chiếc	01
6.	Gối	Chiếc	01
7.	Đệm	Chiếc	01
8.	Tủ đầu giường	Chiếc	01
9.	Xe đẩy dụng cụ, thuốc	Chiếc	01
10.	Cân, thước đo chiều cao người lớn	Chiếc	01
11.	Bàn khám phụ khoa	Bộ	01
12.	Đèn khám phụ khoa	Chiếc	01
13.	Bàn đê	Chiếc	01
14.	Máy Monitor sản khoa	Chiếc	01
15.	Cân trẻ em sơ sinh	Chiếc	01
16.	Lồng ấp sơ sinh	Chiếc	01
17.	Máy đo huyết áp trẻ em	Chiếc	01
18.	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	01
19.	Nhiệt kế điện tử	Chiếc	01
20.	Thiết bị hút thai chân không (1 van, 2 van)	Bộ	01
21.	Bồn rửa tay tiệt trùng	Chiếc	01
22.	Dàn đèn điều trị vàng da trẻ sơ sinh	Chiếc	01
23.	Máy thở trẻ em	Chiếc	01
24.	Bếp từ đơn	Chiếc	03
25.	Máy hút dịch 2 bình	Chiếc	01

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	
26.	Máy thử nước tiểu 10 thông số	Chiếc	01	
27.	Máy xay sinh tố	Chiếc	01	
28.	Bình oxy	Chiếc	01	
29.	Bóc + dây cao su	Bộ	03	
30.	Chậu tắm trẻ sơ sinh	Chiếc	02	
31.	Cốc	Chiếc	03	
32.	Cốc chia vạch	Chiếc	03	
33.	Cốc đựng dung dịch sát khuẩn	Chiếc	03	
34.	Dao mổ + cán dao	Chiếc	03	
35.	Dây nối hồi sức sơ sinh	Chiếc	03	
36.	Đèn sưởi ấm	Chiếc	03	
37.	Đũa, thìa	Chiếc	03	
38.	Dụng cụ tử cung Mirena	Chiếc	03	
39.	Dụng cụ tử cung Multiload	Chiếc	03	
40.	Dụng cụ tử cung TCU 380A	Chiếc	03	
41.	Hộp đựng dụng cụ	Chiếc	03	
42.	Hộp đựng dung dịch sát khuẩn	Chiếc	03	
43.	Hộp đựng kim loại có nắp kín	Chiếc	03	
44.	Hộp inox chữ nhật	Chiếc	03	
45.	Kéo	Bộ	03	
	Mỗi bộ bao gồm			
	Kéo cong	Chiếc	01	
	Kéo thẳng	Chiếc	01	
	Kéo cắt chỉ	Chiếc	01	
46.	Kéo cắt móng tay có nắp bảo vệ	Chiếc	03	
	Bộ Kẹp	Bộ	03	
	Mỗi bộ gồm			
	Kẹp cố định thùng tinh	Chiếc	01	
	Kẹp cố tử cung	Chiếc	01	
	Kẹp hình tim	Chiếc	01	
	Kẹp kim	Chiếc	01	
	Kẹp sàng	Chiếc	01	
Kẹp sát khuẩn	Chiếc	01		
47.	Kẹp thẳng	Chiếc	01	
	Kẹp tròn	Chiếc	01	
	48.	Kẹp phẫu tích	Chiếc	03
	49.	Kẹp phẫu tích có máu	Chiếc	03
	50.	Khay chữ nhật	Chiếc	03
	51.	Khay hạt đậu	Chiếc	03
	52.	Kim 3 cạnh	Chiếc	03
	53.	Kim khâu (tròn, 3 cạnh)	Chiếc	03
54.	Kim mang kim	Chiếc	03	

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
55.	Lược mềm	Chiếc	03
56.	Mặt nạ, bóp bóng	Bộ	03
57.	Mô hình bộ phận ngoài cơ quan sinh dục nữ	Bộ	01
58.	Mô hình cơ quan sinh dục nam	Bộ	03
59.	Mô hình khung chậu nữ	Bộ	01
60.	Mô hình phát triển của trứng và bào thai	Bộ	01
61.	Mô hình phôi thai từ tháng 1 đến tháng thứ 9	Bộ	01
62.	Mô hình thai nhi đủ tháng	Bộ	01
63.	Mô hình tử cung, vòi trứng, buồng trứng	Bộ	01
64.	Mỏ vịt	Chiếc	03
65.	Móc dụng cụ tử cung	Chiếc	03
66.	Móc vòi trứng	Chiếc	03
67.	Nĩa (không máu + có máu)	Chiếc	03
68.	Nồi	Chiếc	03
69.	Nong cổ tử cung các số	Bộ	03
70.	Ống hút nhót	Chiếc	03
71.	Ống nghe tim thai	Chiếc	03
	Bộ panh	Bộ	03
	Mỗi bộ bao gồm		
72.	Loại cong có máu	Chiếc	01
	Loại cong không máu	Chiếc	01
	Loại thẳng có máu	Chiếc	01
	Loại thẳng không máu	Chiếc	01
73.	Panh Farabeuf	Chiếc	03
74.	Trụ cắm panh inox	Chiếc	03
75.	Quả hút mũi	Chiếc	03
76.	Thìa	Chiếc	03
77.	Thìa gạt	Chiếc	03
78.	Thìa nạo (đặc + rộng)	Chiếc	03
79.	Thước đo buồng tử cung	Chiếc	03
80.	Thước đo khung chậu	Chiếc	03
81.	Van âm đạo	Chiếc	03
82.	Bộ tranh về giải phẫu, sinh lý sinh dục nam, nữ, quá trình thai nghén, vệ sinh phụ nữ, dân số kế hoạch hóa gia đình,...	Bộ	01
83.	Bộ tranh quy trình chuyên môn, bảng quản lý thai nghén, túi đựng phiếu khám thai	Bộ	01

+ Phòng thực hành y học cổ truyền - phục hồi chức năng - được: Phòng 119 tầng 1 nhà B1, khoa Phục hồi chức năng.

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1.	Máy vi tính	Bộ	01
2.	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
3.	Màn chiếu	Cái	01
4.	Giường người bệnh	Chiếc	01
5.	Gối	Chiếc	01
6.	Tủ thuốc đông y	Chiếc	01
7.	Xe đẩy dụng cụ, thuốc	Chiếc	01
8.	Máy điện châm	Chiếc	01
9.	Huyết áp kế đồng hồ + ống nghe	Bộ	01
10.	Tủ đựng thuốc tây y	Chiếc	01
11.	Tủ lạnh	Chiếc	01
12.	Máy xoa bóp	Chiếc	01
13.	Ấm sắc thuốc đông y	Bộ	01
14.	Máy kéo cột sống	Chiếc	01
15.	Máy sóng ngắn	Chiếc	01
16.	Máy điện phân	Chiếc	01
17.	Máy tập đi bộ	Chiếc	01
18.	Xe đạp tập chân	Chiếc	01
19.	Đèn hồng ngoại	Chiếc	01
20.	Bàn vận động	Chiếc	05
21.	Xe lăn	Chiếc	01
22.	Khung tập đi	Bộ	01
23.	Tạ tay	Bộ	03
24.	Đệm vận động cột sống lưng	Chiếc	01
25.	Giường chăm sóc người bệnh đa năng	Chiếc	02
26.	Máy điện châm đa năng	Chiếc	01
27.	Tượng các huyết	Chiếc	01
28.	Bộ vị thuốc mẫu y học cổ truyền	Bộ	01
29.	Kim châm cứu	Bộ	01
30.	Dụng cụ chia thuốc, gói thuốc	Chiếc	01
31.	Chậu	Chiếc	01
32.	Cốc	Chiếc	01
33.	Hộp đựng bông gạc	Chiếc	01
34.	Khăn tắm	Chiếc	01
35.	Khay chữ nhật	Chiếc	01
	Bộ panh	Bộ	01
	Mỗi bộ bao gồm		
36.	Loại cong có mẫu	Chiếc	01
	Loại cong không mẫu	Chiếc	01
	Loại thẳng có mẫu	Chiếc	01

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
	Loại thang không mầu	Chiếc	01
37.	Phích đựng nước nóng	Chiếc	01
38.	Trụ cắm panh inox	Chiếc	01
39.	Túi chườm	Chiếc	01
40.	Vò đập đá	Chiếc	01
41.	Bộ tranh các huyết đông y	Bộ	01
42.	Dược thư và sách hướng dẫn sử dụng thuốc	Bộ	01

+ Phòng thực hành giải phẫu: Tầng 1 nhà B1

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	01
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
3	Bảng phooc	Chiếc	01
4	Mô hình bộ xương người tháo rời	Bộ	01
5	Mô hình hộp sọ	Bộ	01
6	Mô hình cơ thể bán thân + nội tạng	Bộ	01
7	Mô hình cơ thể bán thân hệ cơ	Bộ	01
8	Mô hình hệ cơ bán thân có đầu	Bộ	01
9	Mô hình hệ cơ toàn thân	Bộ	01
10	Mô hình cơ cánh tay	Bộ	01
11	Mô hình giải phẫu toàn thân	Bộ	01
12	Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi trên	Bộ	01
13	Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi dưới	Bộ	01
14	Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương đầu - mặt - cổ	Bộ	01
15	Mô hình giải phẫu hệ tuần hoàn	Bộ	01
16	Mô hình tim	Chiếc	03
17	Mô hình giải phẫu hệ hô hấp	Bộ	01
18	Mô hình phổi	Chiếc	03
19	Mô hình giải phẫu hệ tiêu hoá	Bộ	01
20	Mô hình giải phẫu hệ tiết niệu	Bộ	03
21	Mô hình giải phẫu hệ thần kinh	Bộ	03
22	Mô hình cơ quan sinh dục nam	Bộ	01
23	Mô hình bộ phận ngoài cơ quan sinh dục nữ	Bộ	01
24	Mô hình tử cung, vòi trứng, buồng trứng	Bộ	01
25	Mô hình giải phẫu tai mũi họng	Bộ	03
26	Mô hình mắt	Bộ	03
27	Mô hình da phóng đại	Chiếc	03
28	Mô hình tai phóng đại	Chiếc	03
29	Mô hình não	Chiếc	03
30	Mô hình cắt ngang tuỷ sống	Chiếc	03
31	Mô hình cắt dọc qua mũi, miệng, hầu	Chiếc	03
32	Mô hình cắt đứng qua hông chậu nữ	Chiếc	03

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
33	Mô hình chi trên/chi dưới cắt lớp	Bộ	03
34	Mô hình cắt lớp đầu, mặt	Chiếc	03
35	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý máu và tế bào máu	Bộ	01
36	Bộ tranh giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi trên	Bộ	01
37	Bộ tranh giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi dưới	Bộ	01
38	Bộ tranh giải phẫu hệ cơ, xương đầu, mặt, cổ	Bộ	01
39	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ tuần hoàn	Bộ	01
40	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ hô hấp	Bộ	01
41	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ tiết niệu	Bộ	01
42	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ thần kinh	Bộ	01
43	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ sinh dục nam	Bộ	01
44	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ sinh dục nữ	Bộ	01
45	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý răng miệng	Bộ	01
46	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý da	Bộ	01
47	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ thị giác	Bộ	01
48	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ thính giác	Bộ	01
49	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ khứu giác	Bộ	01
50	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ vị giác	Bộ	01

+ Phòng thực hành sinh lý, hóa sinh, vi sinh - ký sinh trùng: Tầng 2 nhà D

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	02
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	02
3	Kính hiển vi quang học	Chiếc	06
4	Máy li tâm	Chiếc	01
5	Máy điện tim	Bộ	02
6	Huyết áp kế cột thủy ngân + ống nghe	Bộ	01
7	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	01
8	Nhiệt kế thủy ngân	Bộ	01
9	Tủ an toàn sinh học	Chiếc	01
10	Nồi hấp	Chiếc	01
11	Cân kỹ thuật	Chiếc	01
12	Nồi cách thủy	Chiếc	01
13	Tủ âm	Chiếc	01
14	Bộ bình cầu	Bộ	01
	Mỗi bộ bao gồm		
	Loại 100ml	Chiếc	01
	Loại 250ml	Chiếc	01
	Loại 500ml	Chiếc	01
15	Loại 1000ml	Chiếc	01
	Bộ bình nón	Bộ	01
	Mỗi bộ bao gồm		
	Loại 100ml	Chiếc	01
	Loại 250ml	Chiếc	01

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
	Loại 500ml	Chiếc	01
16	Bô	Chiếc	01
17	Cốc	Chiếc	01
	Cốc có mỏ	Bộ	01
	Mỗi bộ bao gồm		
18	Loại 50ml	Chiếc	01
	Loại 100ml	Chiếc	01
	Loại 250ml	Chiếc	01
	Loại 500ml	Chiếc	01
19	Dây garo và gôi nhỏ	Bộ	01
20	Dụng cụ xét nghiệm thời gian máu chảy, máu đông	Chiếc	01
21	Giá để dụng cụ thủy tinh	Chiếc	01
22	Giá để tiêu bản	Chiếc	01
23	Gối	Chiếc	01
24	Hộp tròn đựng bông cotton	Chiếc	01
25	Hộp thuốc cấp cứu phản vệ	Bộ	01
26	Khay chữ nhật	Chiếc	01
27	Khay chứa máu	Chiếc	01
28	Khay hạt đậu	Chiếc	01
29	Kim lấy máu	Chiếc	01
30	Lá kính (lamen)	Chiếc	01
31	Lọ đựng phân	Chiếc	01
32	Ống đong có chia vạch	Chiếc	01
	Ống nghiệm	Bộ	01
	Mỗi bộ gồm		
33	Loại 20ml	Chiếc	03
	Giá đỡ ống nghiệm	Chiếc	01
	Giá kẹp ống nghiệm	Chiếc	01
	Bộ panh	Bộ	01
	Mỗi bộ bao gồm		
34	Loại cong có máu	Chiếc	01
	Loại cong không máu	Chiếc	01
	Loại thẳng có máu	Chiếc	01
	Loại thẳng không máu	Chiếc	01
35	Trụ cắm panh inox	Chiếc	01
36	Pipet	Chiếc	01
37	Ống sonde Nelaton các cỡ (số 6, 8, 10, 12)	Chiếc	01
38	Bộ tiêu bản mẫu ký sinh trùng sốt rét,...	Bộ	01
39	Bộ tiêu bản mẫu các loại trứng, ấu trùng giun, sán,	Bộ	01

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
	đơn bào, trùng roi, trùng lông, a míp, nấm		
40	Bộ tiêu bản mẫu vi khuẩn, virus thường gặp: lao, lậu, tụ cầu, tụ khuẩn, nhiễm sắc thể, tế bào,...	Bộ	01
41	Bộ tranh/đĩa CD-ROM về các loại vi khuẩn, virus, vi sinh vật, phân bào, tế bào thần kinh, tế bào cơ,... và các loại giun, sán lá, ký sinh trùng sốt rét, côn trùng truyền bệnh,...	Bộ	01

+ Phòng thực hành sức khỏe cộng đồng: Tầng 1 nhà B1

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1.	Máy vi tính	Bộ	01
2.	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
3.	Máy quay camera	Bộ	01
4.	Tủ lạnh	Chiếc	01
5.	Huyết áp kế cột thủy ngân + ống nghe	Bộ	01
6.	Nhiệt kế thủy ngân	Bộ	01
7.	Huyết áp kế đồng hồ + ống nghe	Bộ	01
8.	Huyết áp kế điện tử	Chiếc	01
9.	Nhiệt kế điện tử	Chiếc	01
10.	Thiết bị nghe nhìn và đĩa hình phục vụ truyền thông giáo dục sức khỏe	Bộ	01
11.	Cân, thước đo chiều cao người lớn	Chiếc	01
12.	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	01
13.	Giường người bệnh	Chiếc	01
14.	Chăn	Chiếc	01
15.	Đệm	Chiếc	01
16.	Ga trải giường	Chiếc	01
17.	Gối	Chiếc	01
18.	Túi thuốc sơ cứu cho tuyến cơ sở	Túi	01
19.	Bộ tranh về nước sạch, dinh dưỡng, an toàn thực phẩm, chương trình tiêm chủng mở rộng, phòng chống tai nạn thương tích	Bộ	01
20.	Bộ tranh về các côn trùng truyền bệnh, vệ sinh lao động, vệ sinh bệnh viện, trường học, trạm y tế, cá nhân, vệ sinh phòng dịch, xử lý chất thải,...	Bộ	01

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
21.	Bộ tranh về truyền thông giáo dục sức khỏe, các tranh, áp phích, tờ rơi về giáo dục sức khỏe, vệ sinh an toàn thực phẩm,...	Bộ	01
22.	Bộ tranh hướng dẫn bữa ăn đủ dinh dưỡng theo chế độ bệnh lý và trẻ em.	Bộ	01
23.	Bộ tranh mô hình cung cấp nước sạch ở nông thôn, thành thị,...	Bộ	01
24.	Bộ tranh mô hình hố xí sạch ở nông thôn, hố xí tự hoại, hố xí hai ngăn,...	Bộ	01
25.	Bộ tranh mô phỏng trạm y tế xã và các thiết bị trang bị cơ bản cho trạm y tế đạt chuẩn quốc gia	Bộ	01

Cơ sở liên kết đào tạo: 02 cơ sở thực hành và 01 cơ sở giáo dục

STT	Tên cơ sở thực hành	Ghi chú
1	Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức	
2	Bệnh viện Bạch Mai	
3	Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội	

3. Điều kiện đảm bảo về Nhà giáo

- a) Tổng số nhà giáo của từng ngành, nghề: có 08 nhà giáo giảng các môn chung toàn trường cho các mã ngành, nghề đào tạo và 98 nhà giáo giảng các môn chuyên ngành.
- b) Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/giáo viên, giảng viên quy đổi: 16 sinh viên/giảng viên/khóa học.
- c) Nhà giáo cơ hữu (nếu là cán bộ quản lý tham gia giảng dạy thì ghi rõ số giờ giảng dạy/năm):

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô-đun, tín chỉ được phân công giảng dạy
1.	Phạm Thị Phương Anh	Thạc sĩ Lý luận và PP giảng dạy giáo dục chính trị	CCSP dạy nghề		Pháp luật, Chính trị

2.	Quản Đức Tuyển	Cử nhân Luật	Bậc 2		Pháp luật, Chính trị
3.	Nguyễn Anh Dũng	Cử nhân Giáo dục thể chất	Cử nhân sư phạm		Giáo dục thể chất
4.	Hà Thanh Phong	Thạc sĩ Kỹ thuật điện tử	Bậc 2		Tin học cơ bản
5.	Nguyễn Bích Thủy	Thạc sĩ KHXH nhân văn ngôn ngữ Anh	ĐHSPNN Nga		Anh văn
6.	Nguyễn Thị Hải Vân	Thạc sĩ KHXH nhân văn ngôn ngữ Anh	CCSP dạy nghề		Anh văn
7.	Hồ Tiến Công	Thạc sĩ QL KH Công nghệ Kỹ sư Kỹ thuật Điện tử- viễn thông	Bậc 1		Tin học cơ bản
8.	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	Thạc sĩ Khoa học máy tính	CCNV Sư phạm		Tin học cơ bản
9.	Lâm Tuấn Anh	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Điều dưỡng Cơ sở
10.	Hoàng Thị Lan Anh	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Chăm sóc sức khỏe người lớn 1

11.	Nguyễn Thị	Châm	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Điều dưỡng Cơ sở
12.	Phí Thị Mai	Chi	Thạc sỹ quản lý bệnh viện	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Điều dưỡng Cơ sở, Chăm sóc sức khỏe người lớn 2
13.	Nguyễn Thị	Chinh	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Thực hành chăm sóc sức khỏe người lớn 2
14.	Khang Thị	Diên	Thạc sỹ quản lý bệnh viện	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Chăm sóc sức khỏe người lớn 2
15.	Dương Minh	Đức	Thạc sỹ quản lý bệnh viện	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Chăm sóc sức khỏe người lớn 2
16.	Đinh Thùy	Dung	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Điều dưỡng hồi sức
17.	Vũ Ngọc	Giáp	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Điều dưỡng phẫu thuật thần kinh
18.	Hoàng Thị Thu	Hà	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Chăm sóc SK trẻ em
19.	Trương Thị	Hải	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Điều dưỡng cơ sở
20.	Nguyễn Tiến	Hào	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Điều dưỡng cơ sở

21.	Nguyễn Thị	Hào	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Chăm sóc SK người lớn 2
22.	Dương Thị	Hoa	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Điều dưỡng cơ sở
23.	Nguyễn Thị	Hoa	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Chăm sóc SK trẻ em
24.	Hoàng Thị	Hoa	Thạc sỹ quản lý bệnh viện	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	ĐD phẫu thuật thần kinh, Chăm sóc SK người lớn 2
25.	Nguyễn Thị Thúy	Huyền	Thạc sỹ quản lý bệnh viện	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Điều dưỡng phẫu thuật tiêu hóa, tiết niệu. Chăm sóc SK người lớn 2
26.	Nguyễn Thị Phương	Huyền	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Chăm sóc sức khỏe người lớn 1
27.	Trương Văn	Kiều	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Điều dưỡng Cơ sở
28.	Nguyễn Minh	Ky	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Chăm sóc sức khỏe người lớn 1, 2
29.	Chu Văn	Long	Thạc sỹ điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Quản lý Điều dưỡng, Chăm sóc SK người lớn 2
30.	Vũ Phi	Long	Thạc sỹ quản lý bệnh viện	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Điều dưỡng cơ sở, Chăm sóc SK người lớn 2

31.	Đỗ Văn Lợi	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Điều dưỡng cơ sở
32.	Đinh Trọng Luật	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Điều dưỡng cơ sở
33.	Ngô Thị Mận	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Chăm sóc SK người lớn 1
34.	Phương Văn Nam	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Điều dưỡng cơ sở
35.	Nguyễn Thị Nga	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Điều dưỡng cơ sở
36.	Trần Thu Ngân	Chuyên khoa 1 điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Điều dưỡng phẫu thuật tiêu hóa, tiết niệu. Chăm sóc SK người lớn 1
37.	Hoàng Bích Ngọc	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	ĐD phẫu thuật thần kinh
38.	Vũ Thị Ngọc	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Điều dưỡng phẫu thuật tiêu hóa, tiết niệu.
39.	Trần Thị Ngọc	Chuyên khoa 1 điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Chăm sóc SK người lớn 1,2 Điều dưỡng cơ sở
40.	Ngô Thị Hồng Nhung	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Điều dưỡng hồi sức

41.	Bùi Thị Kim	Nhung	Chuyên khoa 1 điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Quản lý ĐD, ĐD phẫu thuật chấn thương chỉnh hình, Chăm sóc SK người lớn 2
42.	Trần Văn	Nhường	Chuyên khoa 1 điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Chăm sóc SK người lớn 1
43.	Trần Văn	Oánh	Thạc sỹ điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Quản lý Điều dưỡng; Chăm sóc SK cộng đồng; Điều dưỡng cơ sở, Chăm sóc SK người lớn 1,2
44.	Nguyễn Thị	Phương	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Điều dưỡng cơ sở
45.	Nguyễn Thị	Phương	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Chăm sóc SK người lớn 2
46.	Đình Văn	Quỳnh	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Điều dưỡng cơ sở
47.	Lê Sỹ	Thoại	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Chăm sóc SK người lớn 1,2
48.	Nguyễn Thị	Thư	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Chăm sóc SK người lớn 1
49.	Nguyễn Ngọc	Thực	Thạc sỹ quản lý bệnh viện	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Chăm sóc SK người lớn 1
50.	Trần Thị	Thúy	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Chăm sóc SK người lớn 2

51.	Ngô Xuân	Tiếp	Chuyên khoa 1 điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Điều dưỡng cơ sở
52.	Phạm Anh	Tuấn	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Điều dưỡng cơ sở
53.	Đặng Sỹ	Tuấn	Thạc sỹ quản lý bệnh viện	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Điều dưỡng cơ sở
54.	Nguyễn Xuân	Vinh	Thạc sỹ quản lý bệnh viện	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Chăm sóc SK người lớn 1
55.	Nguyễn Tú	Uyên	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Điều dưỡng hồi sức
56.	Đào Thanh	Xuyên	Thạc sỹ quản lý bệnh viện	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Điều dưỡng cơ sở
57.	Trần Thị	An	Thạc sỹ điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Điều dưỡng phẫu thuật chấn thương chỉnh hình
58.	Vũ Hoàng	Anh	Thạc sỹ quản lý bệnh viện	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Chăm sóc sức khỏe (SK) người lớn 2
59.	Trần Thị Vân	Anh	Thạc sỹ quản lý bệnh viện	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Điều dưỡng phẫu thuật chấn thương chỉnh hình
60.	Đỗ Cẩm	Anh	Chuyên khoa 1 điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Điều dưỡng (ĐD) Cơ sở

61.	Nguyễn Lan	Anh	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Điều dưỡng hồi sức
62.	Nguyễn Bá	Anh	Chuyên khoa 1 điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Chăm sóc sức khỏe người lớn 1
63.	Trịnh Thị Thanh	Bình	Thạc sỹ quản lý bệnh viện	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Chăm sóc dinh dưỡng, Chăm sóc sức khỏe người lớn 2
64.	Đình Quang	Chung	Thạc sỹ quản lý bệnh viện	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Điều dưỡng phẫu thuật chấn thương chỉnh hình, chăm sóc SK người lớn 2
65.	Đào Thị Thùy	Dương	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Chăm sóc sức khỏe người lớn 1, 2
66.	Biện Thị	Dương	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Điều dưỡng phẫu thuật chấn thương chỉnh hình
67.	Phạm Thu	Giang	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Điều dưỡng phẫu thuật chấn thương chỉnh hình
68.	Nguyễn Ngân	Giang	Thạc sỹ điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Điều dưỡng phẫu thuật chấn thương chỉnh hình
69.	Nguyễn Thị Thu	Hà	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Chăm sóc SK người lớn 2
70.	Dương Thị Thu	Hà	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Chăm sóc SK trẻ em

71.	Nguyễn Thị Thu	Hà	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Chăm sóc SK người lớn 1
72.	Đỗ Thị Thu	Hà	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Điều dưỡng Hồi sức
73.	Nguyễn Văn	Hiệp	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Điều dưỡng Phẫu thuật thần kinh
74.	Nguyễn Duy	Hiếu	Thạc sỹ quản lý bệnh viện	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Điều dưỡng phẫu thuật chấn thương chỉnh hình
75.	Nguyễn Việt	Hùng	Cử nhân điều dưỡng	Đại học, Cao đẳng	Chăm sóc SK người lớn 2
76.	Nguyễn Đức	Hưng	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Chăm sóc SK người lớn 1
77.	Nguyễn Cảnh	Hưng	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Chăm sóc SK trẻ em
78.	Nguyễn Thị	Huyền	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Điều dưỡng phẫu thuật chấn thương chỉnh hình
79.	Ngô Thị	Huyền	Thạc sỹ quản lý bệnh viện	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Chăm sóc SK cộng đồng
80.	Tổng Văn	Lãm	Chuyên khoa 1 điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Điều dưỡng hồi sức

81.	Ngô Thị	Linh	Thạc sỹ điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Dinh dưỡng
82.	Nguyễn Trần Thị	Linh	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Dinh dưỡng
83.	Phạm Thị Thanh	Loan	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Điều dưỡng phẫu thuật tiêu hóa, tiết niệu
84.	Trần Thị	Lụa	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Điều dưỡng cơ sở
85.	Mạc Thị Thúy	Nga	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Chăm sóc SK cộng đồng
86.	Đào Thị	Ngân	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Chăm sóc SK người lớn 2
87.	Nguyễn Thị	Ngân	Chuyên khoa 1 điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Chăm sóc SK người lớn 2, ĐD phẫu thuật thần kinh
88.	Lê Tuyết	Nhung	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Điều dưỡng hồi sức
89.	Lê Thị Kim	Nhung	Chuyên khoa 1 điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Chăm sóc SK cộng đồng
90.	Trần Quang	Phúc	Thạc sỹ điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Điều dưỡng hồi sức

91.	Phạm Thị Lan	Phương	Bác sĩ nội trú dinh dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Dinh dưỡng
92.	Trần Văn	Sang	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Điều dưỡng phẫu thuật chấn thương chỉnh hình
93.	Nguyễn Thị	Sáu	Thạc sỹ quản lý bệnh viện	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Chăm sóc sức khoẻ cộng đồng
94.	Phạm Thị	Sơn	Thạc sỹ quản lý bệnh viện	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	ĐD phẫu thuật thần kinh
95.	Trần Đăng	Thanh	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Chăm sóc SK người lớn 1,2
96.	Phạm Đan	Thanh	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Điều dưỡng Hồi sức
97.	Nguyễn Tiến	Thành	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	ĐD phẫu thuật chấn thương chỉnh hình, CS Chăm sóc SK người lớn 2
98.	Dương Thị Phương Thảo		Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Chăm sóc SK trẻ em
99.	Nguyễn Thị	Thuận	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Chăm sóc SK người lớn 2

100.	Trần Anh	Tiến	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Điều dưỡng cơ sở
101.	Đỗ Huyền	Trang	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Chăm sóc SK trẻ em
102.	Phạm Thị Thu	Trang	Thạc sỹ quản lý bệnh viện	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Chăm sóc SK người lớn 1
103.	Chu Thị	Trang	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Dinh dưỡng
104.	Ngô Văn	Trị	Thạc sỹ y học dự phòng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Điều dưỡng phẫu thuật tiêu hóa, tiết niệu.
105.	Trần Văn	Tuấn	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		ĐD phẫu thuật thần kinh
106.	Nguyễn Thị	Vinh	Cử nhân điều dưỡng	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Chăm sóc SK trẻ em

4. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

a) Tên chương trình, trình độ đào tạo, thời gian đào tạo, đối tượng tuyển sinh:

STT	Tên chương trình	Trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo	Đối tượng tuyển sinh
1	Điều dưỡng	Cao đẳng	3 năm	- Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương - Có đủ điều kiện sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành

(Quyết định phê duyệt và ban hành chương trình đính kèm)

b) Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy của từng ngành/ngành

STT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
1	Sinh học đại cương	Trường đại học Dược Hà Nội	2008
2	Bài giảng Giải phẫu Sinh lý	Nhà xuất bản Y học	1994
3	Bài giảng Giải phẫu tập I, II	Trường đại học Y Dược Thành phố HCM	2009
4	Hóa sinh	Đại học Y Hà Nội	2010
5	Ký sinh trùng Y học	Nhà xuất bản Y học	2001
6	Đạo đức y học	Nhà xuất bản Y học Hà Nội	2011
7	Bệnh học	Nhà xuất bản Y học	2010
8	Kỹ thuật xét nghiệm huyết học truyền máu ứng dụng trong lâm sàng	Nhà xuất bản y học	2016
9	Các xét nghiệm thường quy áp dụng trong thực hành lâm sàng	Nhà xuất bản y học	2013
10	Xét nghiệm sử dụng trong lâm sàng	Nhà xuất bản y học	2019
11	Điều dưỡng cơ bản	Nhà xuất bản y học	2007

Nơi nhận:

- Lưu: ĐT.

Q.HIỆU TRƯỞNG *DL*



Nguyễn Mạnh Khánh

Số: 18 /QĐ – CDYT&TBVD

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt và ban hành chương trình đào tạo
trình độ cao đẳng chuyên ngành Điều dưỡng

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT ĐỨC

Căn cứ Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 216/QĐ-VĐ ngày 26/01/2021 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Y tế và Thiết bị Việt Đức;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ - CDYTTBVD ngày 11/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế và Thiết bị Việt Đức về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ cao đẳng các chuyên ngành Điều dưỡng; Kỹ thuật hình ảnh y học; Kỹ thuật xét nghiệm y học; Kỹ thuật phục hồi chức năng;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ cao đẳng chuyên ngành Điều dưỡng tại biên bản họp ngày 19/3/2022.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng chuyên ngành Điều dưỡng (chương trình đào tạo theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông, bà Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Công tác sinh viên, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Trưởng phòng Hành chính tổng hợp và các Bộ môn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT; PĐT.



Nguyễn Mạnh Khánh

BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT ĐỨC
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ VÀ THIẾT BỊ VIỆT ĐỨC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 18/QĐ-CDYT&TB ngày 23 tháng 3 năm 2022
của Trường Cao đẳng y tế và Thiết bị Việt Đức)*

Trình độ đào tạo : Cao đẳng
Ngành đào tạo : Điều dưỡng
Mã ngành : 6720301
Hình thức đào tạo : Chính quy

Hà Nội, năm 2022

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 18/QĐ-CDYT&TB ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Trường Cao đẳng y tế và Thiết bị Việt Đức)

Tên ngành, nghề	: Điều dưỡng
Mã ngành, nghề	: 6720301
Trình độ đào tạo	: Cao đẳng
Hình thức đào tạo	: Chính quy, tập trung
Đối tượng tuyển sinh	: Tốt nghiệp Trung học phổ thông
Thời gian đào tạo	: 3 năm.

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người Điều dưỡng trình độ cao đẳng có kiến thức và năng lực thực hành nghề ĐD ở trình độ cao đẳng. Đáp ứng chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam. Có khả năng hội nhập quốc tế, có ý thức tôn vinh nghề nghiệp. Người Điều dưỡng có phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức phục vụ nhân dân, thực hành nghề nghiệp theo quy định của nhà nước, tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, trung thực, khách quan, thận trọng trong nghề nghiệp, tôn trọng và chân thành với đồng nghiệp.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

Trình bày được các kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để giải thích nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán, hướng điều trị, kế hoạch phòng bệnh và các can thiệp chăm sóc điều dưỡng

Vận dụng được sự hiểu biết về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để xác định tình trạng sức khỏe, lập kế hoạch chăm sóc cho cá nhân người bệnh, gia đình và cộng đồng.

Thể hiện được sự hiểu biết về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để theo dõi, hỗ trợ người bệnh duy trì các chức năng sinh lý, phòng ngừa các tai biến biến chứng cho người bệnh, giúp người bệnh phục hồi chức năng, thích nghi, tái hòa nhập với cuộc sống, là giúp người bệnh nâng cao sức khỏe

Phân tích được các chăm sóc điều dưỡng về dược lý, dinh dưỡng, tâm lý con người, kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành chăm sóc người bệnh;

Giải thích được quá trình dược động học của thuốc, tác dụng của thuốc, quy chế sử dụng thuốc để sử dụng thuốc hợp lý và an toàn;

Phân tích được được đặc điểm tâm lý từng người bệnh để lựa chọn phương pháp, kỹ năng giao tiếp phù hợp và tư vấn giáo dục, nâng cao sức khỏe người bệnh.

Vận dụng được các kiến thức về NCKH và thực hành dựa vào bằng chứng để nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh

Giải thích được quy trình tiếp nhận người bệnh vào viện và các thủ tục, giấy tờ cần thiết cho người bệnh ra viện;

Trình bày được các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, chức năng, nhiệm vụ, vai trò của Điều dưỡng viên, Điều dưỡng trưởng khoa, Điều dưỡng trưởng bệnh viện.

Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.2.2. Kỹ năng

Nhận định được tình trạng sức khỏe người bệnh, xác định được các nhu cầu chăm sóc và các vấn đề ưu tiên, phân loại được người bệnh, ra quyết định chăm sóc, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc cho người bệnh phù hợp, an toàn và hiệu quả;

Nhận định được đúng, kịp thời để thực hiện được sơ cứu, cấp cứu hiệu quả khi có tình huống cấp cứu tại cơ sở y tế và cộng đồng

Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên khoa, các kỹ thuật sơ cứu, cấp cứu ban đầu trong cơ sở y tế và tại cộng đồng đúng quy trình, đảm bảo chăm sóc liên tục, an toàn và hiệu quả cho người bệnh.

Thực hiện phụ giúp được bác sĩ thực hiện các thủ thuật trên người bệnh;

Thực hiện theo dõi, đánh giá tình trạng, ghi chép những diễn biến hàng ngày của người bệnh, phát hiện và báo cáo kịp thời được các diễn biến bất thường của người bệnh;

Giao tiếp lịch sự, thân thiện với người bệnh, hợp tác hiệu quả với các thành viên trong chăm sóc người bệnh.

Sử dụng được các kỹ năng giao tiếp, các phương tiện truyền thông phù hợp để tư vấn giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình và cộng đồng.

Vận hành sử dụng và quản lý được trang thiết bị y tế, vật tư tiêu hao, thuốc, hồ sơ, sổ sách; tham gia quản lý chăm sóc người bệnh, ghi chép hồ sơ bệnh án.

Phối hợp, tham gia phát hiện sớm, phòng chống dịch và bảo vệ sức khỏe môi trường tại địa phương.

Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi học xong chương trình, Người có bằng tốt nghiệp ngành Điều dưỡng trình độ cao đẳng có thể làm việc ở các bệnh viện, các cơ sở khám chữa bệnh, các cơ sở chăm sóc sức khỏe, Trung tâm y tế dự phòng, trạm y tế, y tế cơ quan, học đường, các đơn vị cấp cứu 115, chăm sóc sức khỏe ban đầu, các cơ sở giáo dục cao đẳng điều dưỡng theo quy chế tuyển dụng lao động của Bộ y tế và Bộ Lao động thương binh - Xã hội.

Khả năng học tập, nâng cao trình độ

Có khả năng chủ động học hỏi và nghiên cứu, tìm hiểu tài liệu để nâng cao trình độ kiến thức chuyên môn nghề nghiệp, kỹ năng trong tổ chức các hoạt động nghề nghiệp, kỹ năng thực hành chăm sóc đáp ứng đòi hỏi trong thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thời kỳ 4.0. Có thể học liên thông lên đại học ngành điều dưỡng.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khoá học:

- Số lượng môn học, mô đun: 33
- Khối lượng kiến thức toàn khoá học: 113 tín chỉ (2955 giờ).
- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: 21 tín chỉ (435 giờ)
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 92 tín chỉ (2520 giờ)
- Khối lượng lý thuyết: 887 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1991 giờ; kiểm tra các môn chung, các môn học/ mô đun 77 giờ.

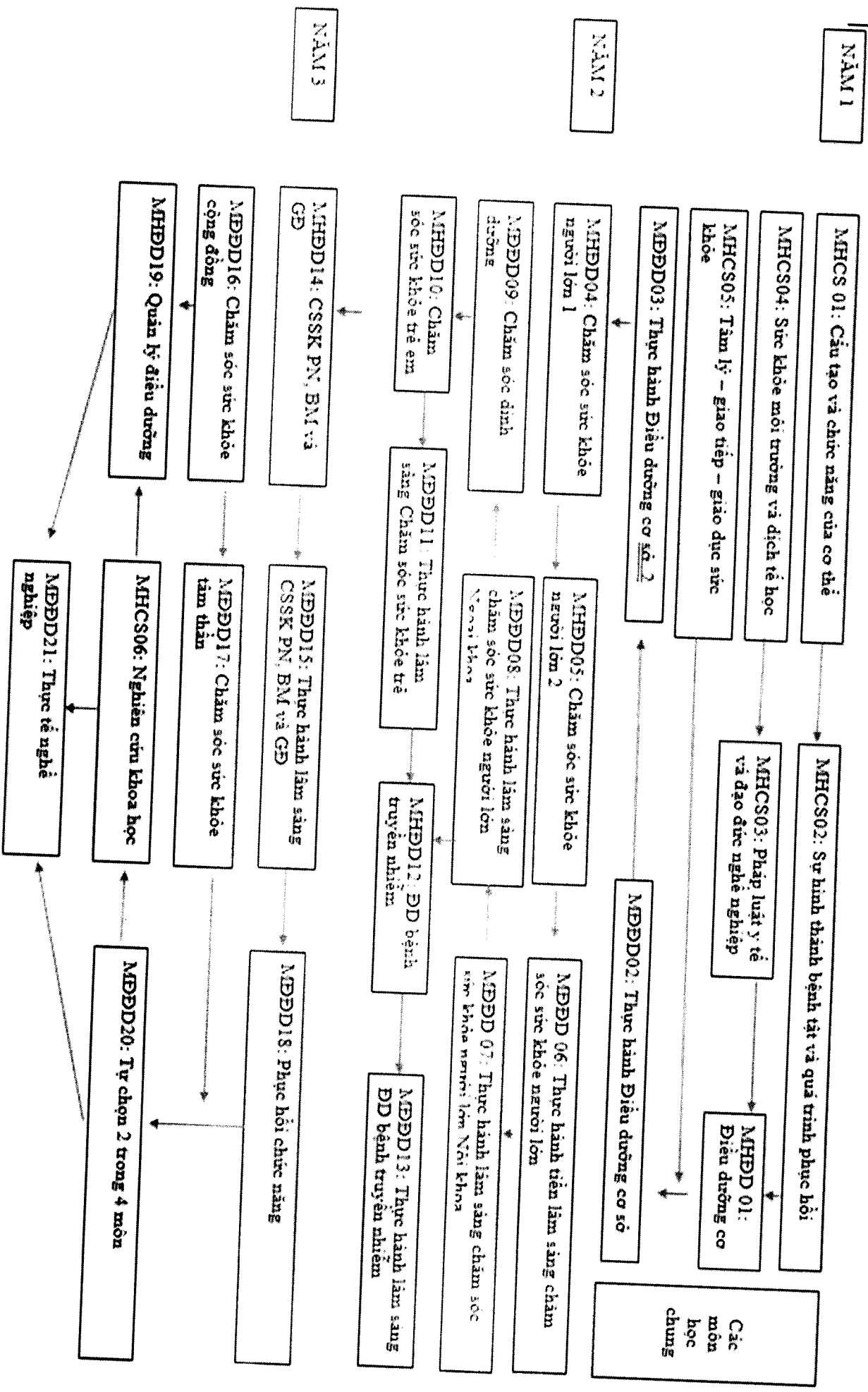
3. Nội dung chương trình

Mã MH/ MĐ	Tên môn học / mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Thi/ kiểm tra
I	Các môn học chung	21	435	157	255	23
MHCH01	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
MHCH02	Tin học	3	75	15	58	2
MHCH03	Ngoại ngữ	6	120	42	72	6
MHCH04	Pháp luật	2	30	18	10	2
MHCH05	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MHCH06	Giáo dục quốc phòng và An ninh	4	75	36	35	4
II.	Các môn học chuyên môn	92	2520	730	1736	54
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	15	240	202	28	10
MHCS01	Cấu tạo và chức năng của cơ thể	4	75	44	28	3
MHCS02	Sự hình thành bệnh tật và quá trình phục hồi	3	45	42	0	3
MHCS03	Pháp luật y tế và đạo đức nghề nghiệp	2	30	29	0	1
MHCS04	Sức khỏe môi trường và dịch tễ học	2	30	29	0	1
MHCS05	Tâm lý - Giao tiếp - GDSK trong thực hành điều dưỡng	2	30	29	0	1

MHCS06	Nghiên cứu khoa học	2	30	29	0	1
II.2	Môn học, mô đun chuyên ngành	77	2280	528	1708	44
MHĐD01	Điều dưỡng cơ sở	5	75	73	0	2
MĐĐD02	Thực hành tiền lâm sàng Điều dưỡng cơ sở	4	120	0	118	2
MĐĐD03	Thực hành lâm sàng Điều dưỡng cơ sở	3	135	0	133	2
MHĐD04	Chăm sóc sức khỏe người lớn 1	6	90	88	0	2
MHĐD05	Chăm sóc sức khỏe người lớn 2	6	90	88	0	2
MĐĐD06	Thực hành tiền lâm sàng chăm sóc sức khỏe người lớn	2	60	0	58	2
MĐĐD07	Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe người lớn người Nội khoa	5	225	0	223	2
MĐĐD08	Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe người lớn người Ngoại khoa	5	225	0	223	2
MĐĐD09	Chăm sóc dinh dưỡng	2	60	15	43	2
MĐĐD10	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	3	60	30	28	2
MĐĐD11	Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe trẻ em	3	135	0	133	2
MHĐD12	Chăm sóc các bệnh truyền nhiễm	2	30	28	0	2
MĐĐD13	Thực hành lâm sàng chăm sóc các bệnh truyền nhiễm	2	90	0	88	2
MHĐD14	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ,	3	45	43	0	2

	bà mẹ và gia đình					
MĐDD15	Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	2	90	0	88	2
MĐDD16	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	4	120	30	88	2
MĐDD17	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	2	60	15	43	2
MĐDD18	Phục hồi chức năng	2	60	15	43	2
MHĐD19	Quản lý điều dưỡng	3	45	43	0	2
MĐDD21	Thực tế nghề nghiệp	5	225	0	223	2
II. 3	Môn học, mô đun tự chọn (chọn 2 trong 4 môn)	8	240	60	176	4
MĐDD20A	Điều dưỡng Hồi sức	4	120	30	88	2
MĐDD20B	Điều dưỡng phẫu thuật chấn thương chỉnh hình	4	120	30	88	2
MĐDD20C	Điều dưỡng phẫu thuật thần kinh	4	120	30	88	2
MĐDD20D	Điều dưỡng phẫu thuật tiêu hóa, tiết niệu	4	120	30	88	2
	Tổng	113	2955	887	1991	77

SƠ ĐỒ TRÌNH TỰ MÔN HỌC



4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội:

- Môn Anh văn thực hiện theo thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc Ban hành chương trình môn học Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.
 - Môn Tin học thực hiện theo thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành chương trình môn học Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;
 - Môn Giáo dục thể chất thực hiện theo thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;
 - Môn học Pháp luật thực hiện theo thông tư số 13/2018/TT- BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;
 - Môn học Giáo dục chính trị thực hiện theo thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;
 - Môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh thực hiện theo thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
- 4.2. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung hoạt động ngoại khoá: căn cứ điều kiện cụ thể, khả năng của trường, kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khoá học, lớp học và hình thức tổ chức đào tạo trong chương trình đào tạo, Hiệu

trường sẽ có quyết định ban hành vào đầu mỗi khoá học.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học/ mô đun: Áp dụng Quy định về thực hiện chương trình đào tạo theo thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ngày 13/3/2017 và được cụ thể hoá trong nội dung chi tiết từng môn học và quy chế đào tạo.

4.4. Hướng dẫn tổ chức thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp: Áp dụng Quy định thi, kiểm tra và xét công nhận tốt nghiệp theo thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ngày 13/3/2017, cụ thể:

- Người học phải học hết chương trình đào tạo theo từng năm học và có đủ điều kiện thì sẽ được dự thi tốt nghiệp.

- Nội dung thi tốt nghiệp bao gồm: môn Chính trị, Lý thuyết tổng hợp kiến thức các môn chuyên ngành; Thực hành kỹ năng lập kế hoạch chăm sóc, thực hiện kỹ thuật chuyên môn chăm sóc người bệnh.

- Hiệu trưởng các trường căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp của người học và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng tốt nghiệp theo quy định với danh hiệu cử nhân thực hành.

4.5. Các chú ý khác:

- Chương trình đào tạo này được sử dụng để giảng dạy tại trường Cao đẳng Y tế và thiết bị Việt Đức hệ cao đẳng theo hình thức Đào tạo theo niên chế.

- Có thể sử dụng CTĐT này để giảng dạy ở các trình độ thấp hơn theo nhu cầu của người học.